

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày 05 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hiệp và ông Trần Văn Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trừ Minh Quốc - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 01-02-1962 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: Số nhà 305, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Vũ Thị M, sinh năm 1920; có vợ là Phạm Thị Kim T (đã chết) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt theo Quyết định truy nã và tạm giữ ngày 19-7-2024, sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Viết B, Luật sư Văn phòng Luật sư K - Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: Đường P, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Các bị hại:

- Ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

- Bà Bùi Thị H, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

- Ông Thái L, địa chỉ: Tổ 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông;

- Bà Trương Thị S, địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Các bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11-3-2007, Nguyễn Văn T được Phòng Tài chính Kế hoạch - UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 63E800058, với ngành nghề mua bán nông sản, đăng ký hoạt động tại thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Quá trình kinh doanh, T thu mua tiêu, cà phê và nhận ký gửi nông sản của các hộ dân trên địa bàn huyện Đ. Trong khoảng thời gian từ tháng 12-2009 đến tháng 7-2010, T nhận ký gửi cà phê nhân xô, hạt tiêu của nhiều người. Đến tháng 7-2010, Nguyễn Văn T đã bỏ trốn, cắt đứt liên lạc với gia đình và người ký gửi nông sản nhằm trốn tránh trả lại tài sản, đã chiếm đoạt của 04 cá nhân với tổng số tiền 1.902.874.800 đồng. Đến ngày 19-7-2024, T bị bắt theo Quyết định truy nã tại xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng và đã khai nhận nội dung sự việc, cụ thể:

1. Chiếm đoạt của bà Bùi Thị H, sinh năm 1965, trú tại thôn 5, xã Đ, huyện Đ. Ngày 07-3-2010, bà H ký gửi cho T 2.000 kg cà phê nhân, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 45.200.000 đồng.

Từ ngày 07-3-2024 đến ngày 01-4-2010, bà H ký gửi thêm cho T 25.259 kg hạt tiêu khô, đã bán 10.029 kg, còn ký gửi 15.230 kg, bà H tạm ứng trước số tiền 100.950.000 đồng, giá trị 15.230 kg hạt tiêu khô bị chiếm đoạt là 677.735.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà H bị chiếm đoạt là 621.985.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của bà Trương Thị S, sinh năm 1967, trú tại thôn 3, xã Đ, huyện Đ. Các ngày 08 và 12-02-2010, bà S đã ký gửi cho T 22.090kg cà phê nhân, đến ngày 01-4-2010 bà S đã bán 10.000kg, còn ký gửi lại cho T 12.090kg cà phê nhân, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 272.025.000 đồng.

Các ngày 10 và 26-3-2010, bà S ký gửi cho T 10.246kg hạt tiêu khô và ứng trước số tiền 165.050.000 đồng, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 461.070.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà S bị chiếm đoạt là 568.045.000 đồng.

3. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968, trú tại thôn 3, xã Đắk Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Ngày 25-12-2009, ông H ký gửi cho T 14.684kg cà phê nhân, T đưa cho ông H tạm ứng trước số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 20-01-2010, ông H tiếp tục ký gửi cho T 7.236kg hạt tiêu khô và tạm ứng thêm số tiền 176.200.000 đồng. Tổng số tiền tạm ứng là 326.200.000 đồng, giá trị 14.684 kg cà phê nhân tại thời điểm bị chiếm đoạt là 362.694.800 đồng; giá trị 7.236 kg hạt tiêu là 343.710.000 đồng. Tổng số tài sản của ông H bị chiếm đoạt là 380.204.800 đồng.

4. Chiếm đoạt của ông Thái L, sinh năm 1965, trú tại thôn Q, xã Đ, huyện Đ. Ngày 15-3-2010, ông L đã ký gửi cho T 7.392kg hạt tiêu, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 332.640.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn T chiếm đoạt của 04 người bị hại là **1.902.874.800** đồng.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ ngày 01-3-2012 kết luận:

Hộ ông Nguyễn Văn H: Ngày 25-12-2009 (Cà phê): $14.684 \text{ kg} \times 24.700\text{đ/kg} = 362.694.800$ đồng. Ngày 20-01-2010 (Tiêu): $7.236 \text{ kg} \times 47.500\text{đ/kg} = 343.710.000$ đồng.

Hộ bà Bùi Thị H: Tháng 3-2010 (Cà phê): $2.000 \text{ kg} \times 22.600\text{đ/kg} = 45.200.000\text{đ}$. Tháng 3-2010 (Tiêu): $15.230 \text{ kg} \times 44.500\text{đ/kg} = 677.735.000$ đồng.

Hộ bà Trương Thị S: Tháng 02-2010 (Cà phê): $12.090 \text{ kg} \times 22.500\text{đ/kg} = 272.025.000$ đồng. Ngày 26-3-2010 (Tiêu): $10.246 \text{ kg} \times 45.000\text{đ/kg} = 461.070.000$ đồng.

Hộ ông Thái L: Ngày 15-3-2010: $7.392 \text{ kg} \times 45.000\text{đ/kg} = 332.640.000$ đồng.

Kết luận giám định số 457/KL-KTHS ngày 09-10-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận: chữ viết, chữ ký trong cuốn sổ do bà Trương Thị S giao nộp là do Nguyễn Văn T viết, ký tên.

Cáo trạng số 54/CT-VKSĐN-P2 ngày 28-10-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố Nguyễn Văn T về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố Nguyễn Văn T phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Áp dụng khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt Nguyễn Văn T từ 14 năm đến 15 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 cuốn sổ đã thu giữ của bà S để phục vụ công tác xét xử.

Về phân dân sự: Các bị hại là các ông Nguyễn Văn H và Thái L không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xem xét; các bà Bùi Thị H và Trương Thị S yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo quy định.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo cũng như bị cáo trình bày: Thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội danh như Cáo

trạng là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông vì hành vi của bị cáo chỉ phạm tội một lần, không phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do bị cáo gây ra mà do giá cả nông sản có sự tăng giảm thất thường dẫn đến bị cáo mất khả năng thanh toán và dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của các bị hại: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã triệu tập các bị hại đến phiên tòa nhưng các bị hại ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị H và bà Trương Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Thái L vắng mặt nhưng không đề nghị bị cáo phải bồi thường. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị hại.

[3]. Về tội danh và pháp luật áp dụng: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận số lượng cà phê, tiêu mà các bị hại ký gửi để bán cho bị cáo như bản kết luận điều tra cũng như Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và các bị hại tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và các tình tiết khách quan của vụ án nên có căn cứ xác định: Trong thời gian từ tháng 12-2009 đến tháng 4-2010, Nguyễn Văn T là chủ đại lý kinh doanh mua bán nông sản tại thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đã nhận ký gửi số lượng lớn cà phê nhân và hạt tiêu khô của các cá nhân trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, sau đó bị cáo đã bán xoay vòng vốn để kiếm lời nhưng khi thị trường tăng giá người gửi chốt bán dẫn đến bị cáo thua lỗ, mất khả năng thanh toán và không còn tài sản để trả lại cho các bị hại nên bị cáo đã có hành vi bỏ trốn nhằm chiếm đoạt

tài sản của bốn bị hại với tổng giá trị tài sản tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là **1.902.874.800** đồng, cụ thể: chiếm đoạt của bà Bùi Thị H 621.985.000 đồng; bà Trương Thị S 568.045.000 đồng; ông Nguyễn Văn H 380.404.800 đồng và ông Thái L 332.640.000 đồng.

Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018, do mức hình phạt tại khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nặng hơn so với mức hình phạt theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cùng về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" nên việc Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử bị cáo theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng tới tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

[5]. *Tình tiết định khung tăng nặng hình phạt*: Hành vi của bị cáo chiếm đoạt của bốn bị hại tổng số tiền là **1.902.874.800** đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Theo Kết luận điều tra cũng như Cáo trạng của Viện kiểm sát cho rằng bị cáo phạm tội 02 lần trở lên và đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết này, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo bị khởi tố về hành vi "*bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản*". Đây là cấu thành cơ bản trong mặt khách quan của tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, những lần bị cáo nhận ký gửi bán cà phê,

tiêu của các bị hại trước khi bỏ trốn chỉ là giao dịch dân sự thông thường, bị cáo chỉ phạm tội khi bị cáo “*bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản*”, trong trường hợp này bị cáo phạm tội với nhiều người, không phạm tội “*02 lần trở lên*” như Viện kiểm sát đề nghị nêu trên nên không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. *Về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên có căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mặc dù, tại phiên tòa, bị cáo có cung cấp 02 biên lai thu tiền khắc phục hậu quả cho hai bị hại với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền bị cáo đã khắc phục là rất nhỏ so với số tiền bị cáo phải bồi thường nên không đủ điều kiện để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét tình tiết này thể hiện thái độ ăn năn hối cải của bị cáo.

[8]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và quan điểm bào chữa của bị cáo cũng như Luật sư, giảm một phần hình phạt cho bị cáo so với mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đảm bảo mục đích của hình phạt.

[9]. *Về các biện pháp tư pháp*:

[9.1]. *Về vật chứng vụ án*: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về phần vật chứng có căn cứ nên cần xử lý như quan điểm của Viện kiểm sát.

[9.2]. *Về trách nhiệm dân sự*: Trong vụ án này có 02 bị hại là bà Bùi Thị H và bà Trương Thị S có yêu cầu bị cáo trả lại số lượng cà phê, tiêu đã ký gửi theo giá thị trường tại thời điểm xét xử. Theo kết luận điều tra thì tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là 1.902.874.800 đồng. Tuy nhiên, về trách nhiệm dân sự thì bị cáo phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Số tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà H là 2.000kg cà phê và 15.230 kg tiêu; chiếm đoạt của bà S 12.090kg cà phê và 10.246kg tiêu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xác định số lượng cà phê, tiêu sau khi nhận ký gửi bị cáo đã bán hết, hiện nay không còn nên việc các bị hại yêu cầu bị cáo trả lại tài sản tương ứng với giá trị tài sản theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là phù hợp theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm giá tiêu trên thị trường là 144.000đ/kg, cà phê có giá là 114.000đ/kg. Như vậy, cần buộc bị cáo phải trả cho các bị hại cụ thể:

Trả cho bà S ($[12.090\text{kg cà phê} \times 114.000\text{đ/kg} = 1.378.260.000 \text{ đồng} + 10.246\text{kg tiêu} \times 144.000\text{đ/kg} = 1.475.424.000 \text{ đồng}]$), tổng số tiền 2.853.684.000 đồng, được trừ số tiền 165.050.000 đồng bà S tạm ứng trước của bị cáo và số tiền 5.000.000 đồng bị cáo nộp khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông, bị cáo còn phải trả với số tiền là 2.683.634.000 đồng.

Trả cho bà H ($[2.000\text{kg cà phê} \times 114.000\text{đ/kg} = 228.000.000 \text{ đồng} + 15.230\text{kg tiêu} \times 144.000\text{đ/kg} = 2.193.120.000 \text{ đồng}]$), tổng số tiền 2.421.120.000 đồng, được trừ số tiền 100.950.000 đồng bà H tạm ứng trước của bị cáo và số tiền 5.000.000 đồng bị cáo nộp khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông, bị cáo còn phải trả với số tiền là 2.315.170.000 đồng.

Đối với các bị hại là các ông Nguyễn Văn H và ông Thái L không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Văn T 13 (*mười ba*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (là ngày 19-7-2024).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 01 cuốn sổ đã thu giữ của bà Trương Thị S giao nộp.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 466, Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc Nguyễn Văn T phải trả cho bà Bùi Thị H 2.000kg cà phê và 15.230kg tiêu tương ứng với số tiền 2.421.120.000 đồng, được trừ số tiền 100.950.000 đồng bà H tạm ứng trước và số tiền 5.000.000 đồng bị cáo nộp khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông theo Biên lai thu tiền số 0002213 ngày 05-12-2024, Nguyễn Văn T còn phải trả với số tiền là 2.315.170.000đ (*hai tỷ, ba trăm mười lăm triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

- Buộc Nguyễn Văn T phải trả cho bà Trương Thị S 12.090 kg cà phê và 10.246 kg tiêu tương ứng với số tiền 2.853.684.000 đồng, được trừ số tiền 165.050.000 đồng bà S tạm ứng trước và số tiền 5.000.000 đồng bị cáo nộp khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông theo Biên lai thu tiền số 0002214 ngày 05-12-2024,

Nguyễn Văn T còn phải trả với số tiền là 2.683.634.000đ (hai tỷ, sáu trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 112.998.804đ (một trăm mười hai triệu chín trăm chín mươi tám nghìn tám trăm linh tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo và các bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng